TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 19-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Phan và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Văn G, sinh ngày 27/8/1997 tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị M1; tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 68/2023/HS-ST ngày 11/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt Bùi Văn G 33 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2024, chưa được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2024, chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị Vân A, anh Vũ Xuân T và ông Bùi Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn G có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Q ở thôn M, xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Do chị Q đề nghị chấm dứt quan hệ tình cảm nên ngày 16/12/2024 G đến nhà chị Q để lấy quần áo, đồ dùng cá nhân còn gửi ở nhà chị Q. Khoảng 07 giờ ngày 16/12/2024, G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu trắng, biển kiểm soát (BKS) 34E1-266.82 đi từ nhà đến nhà chị Q để tìm gặp và lấy đồ dùng cá nhân. Đến nơi thấy nhà chị Q không có ai ở nhà, cổng chính mở nhưng cửa nhà khóa nên G điều khiển xe mô tô rời đi. Trên đường đi do chiếc xe mô tô của G bị hỏng đèn pha nên G gửi xe lại để sửa chữa tại cửa hàng sửa chữa xe của chị Nguyễn Thị Vân A ở thôn B, xã S, huyện Tứ Kỳ rồi quay lại nhà chị Q. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, G đi bộ đến nhà chị Q. Do biết gia đình chị Q thường để chìa khóa cửa trong giày để trên giá giày ở hiên nhà nên G đi bộ qua cổng nhà chị Q, vào khu vực giá giày ở hiên nhà, lục tìm được chìa khóa để trong đôi giày. G sử dụng chìa khóa mở cửa chính vào trong nhà rồi khép cửa lại, đi lên tầng 2, vào trong phòng ngủ của chị Q lấy 01 túi đeo chéo bằng vải, 01 túi xách màu vàng, 01 bộ quần áo dài tay, 01 đôi giày da màu đen là tài sản của G để ở nhà chị Q. Sau đó, G đi xuống tầng 1 và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã lục tìm tài sản để trộm cắp. G lục tìm trong chiếc tủ nhựa ở khu vực gầm cầu thang thấy có 01 chìa khóa, xác định là chìa khóa két sắt nên G sử dụng chìa khóa này mở két sắt ra kiểm tra trong két thấy có 01 chiếc phong bì đựng tiền và 01 chiếc hộp màu đỏ. G cất chiếc phong bì này vào túi áo phía trước bên trái G đang mặc rồi mở chiếc hộp màu đỏ ra kiểm tra thì thấy bên trong hộp có 01 sợi dây chuyền vàng, mặt dây chuyền có logo biểu tượng nhãn hiệu thời trang "Chanel". G cất sợi dây chuyền vào túi áo cùng với phong bì đựng tiền rồi khóa két sắt lại, cất chìa khóa vào tủ nhựa, khóa cửa nhà chị Q, cất chìa khóa vào vị trí cũ rồi rời đi.

Sau khi trộm cắp được tài sản, G đi bộ đến cửa hàng của chị Vân A lấy xe, thanh toán số tiền 420.000 đồng (là tiền của G mang đi từ trước) sau đó điều khiển xe đi thành phố Hà Nội. Tại thành phố Hà Nội, G mở phong bì ra kiểm đếm xác định số tiền trộm cắp được trong phong bì là 32.400.000 đồng, gồm các loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng. Tối ngày 16/12/2024, G sử dụng số tiền 17.500.000 đồng do trộm cắp mà có mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max, màu tím tại cửa hàng kinh doanh điện thoại CITY PHONE CENTER, địa chỉ số 18 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội do anh Vũ Xuân T làm chủ. Sau đó, G tiêu xài cá nhân còn lại số tiền 7.500.000 đồng. Ngày 25/12/2024, bố mẹ chị Q là ông Nguyễn Văn Q1 và bà Phạm Thị D có đơn trình báo. Ngày 26/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT), Công an huyện Tứ Kỳ thu giữ của G số tiền 7.500.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max, màu tím; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu trắng, BKS 34E1-266.82.

Kết luận giám định số: 102/KL-KTHS ngày 10/01/2025, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền màu vàng, mặt dây

chuyền hình logo nhãn hiệu thời trang "Chanel" đính các viên vật liệu không màu thu giữ của Bùi Văn G gửi giám định có tổng khối lượng 11,67 gam (tính cả các viên vật liệu). Phần kim loại màu vàng là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,37%.

Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐGTS ngày 21/01/2025, Hội đồng định giá tài sản, UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, mặt dây chuyền hình logo của nhãn hiệu thời trang "Chanel", đính các vật liệu không màu, có tổng khối lượng 11,67 gam (bao gồm cả viên vật liệu), hàm lượng vàng 99,37%. Tại thời điểm bị trộm cắp vào ngày 16/12/2024 tài sản cần định giá có giá trị là 25.200.000 đồng (hai mươi năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 07/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Bùi Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên bố bị cáo Bùi Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 26/12/2024. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha màu trắng BKS 34E1-266.82 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 14 Pro Max màu tím. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại xác định đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với bị cáo là đúng, do bị cáo đang bị tạm giam nên bị cáo đề nghị nếu được trả lại các tài sản nêu trên thì bị cáo ủy quyền cho bố bị cáo là ông Bùi Văn N nhận thay bị cáo và nói lời sau cùng đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại thôn M, xã S, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Bùi Văn G lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng vàng trị giá 25.200.000 đồng và số tiền 32.400.000 đồng của ông Nguyễn Văn Q1 và bà Phạm Thị D. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 57.600.000 đồng (năm mươi bẩy triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý lén lút thực hiện, chiếm đoạt tài sản trị giá 57.600.000 đồng (năm mươi bẩy triệu sáu trăm nghìn đồng) nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS. Như vậy, VKSND huyện Tứ Kỳ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bị cáo đã bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/10/2024 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định thì mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động cho bố bị cáo bồi thường cho bị hại và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 01/01/2025 và ngày 22/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại tài sản bị chiếm đoạt gồm 01 sợi dây chuyền vàng, mặt dây chuyền hình logo của nhãn hiệu thời trang "Chanel" và số tiền 7.500.000 đồng là phù hợp. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Apple loại Iphone 14 Pro Max màu tím bị cáo đã sử dụng số tiền trộm cắp được để mua, tuy nhiên tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại đủ, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên cần trả lại chiếc điện thoại này cho bị cáo. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng BKS 34E1-266.82 ban đầu bị cáo sử dụng với mục đích đi đến để lấy đồ, không sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS. Bị cáo đề nghị do đang bị tạm giam nếu bị cáo được trả lại các tài sản nêu trên thì bị cáo ủy quyền cho bố bị cáo là ông Bùi Văn N nhận thay, tại phiên tòa ông N nhất trí nên HĐXX sẽ xem xét để đảm bảo quyền lợi kịp thời cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 260, các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn G 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 26/12/2024.

2. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo (bị cáo ủy quyền cho bố bị cáo là ông Bùi Văn N, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương nhận thay): 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng, biển kiểm soát 34E1-266.82 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max vỏ màu tím. (những tài sản này đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ có đặc điểm cụ thể theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 10 tháng 02 năm 2025).

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn G phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an tỉnh Hải Dương
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi